

SOME FACTORS RELATED TO KNOWLEDGE AND PRACTICE OF USING ANTIBIOTIC DRUGS FOR CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD CHILDREN IN TWO COMMUNITIES, KIEN XUONG DISTRICT, THAI BINH PROVINCE, 2020

Nguyen Thi Ai*, Nguyen Ha My, Phan Thu Nga, Bui Thi Huyen Dieu, Bui Thi Binh

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy

Received 28/01/2021

Revised 26/02/2021; Accepted 09/03/2021

ABSTRACT

Objective: To identify some related factors of caregiver use of antibiotics in under 5 years old in two communes, Kien Xuong district, Thai Binh province by 2020.

Study object: caregivers in two communes of Kien Xuong district, Thai Binh

Research method: Epidemiological method described through cross-sectional investigation with analysis.

Research results: There is a relationship between educational attainment, number of children, economic conditions and age with knowledge of antibiotic use: the proportion of subjects with high school knowledge has achieved Antibiotic use is 1.8 times more likely than the group with education from high school or less, 95% CI (1.1-2.9). Regarding practice, there is a relationship between knowledge, age of research subjects, parents of children and practice of using antibiotics. the rate of subjects with knowledge achieved with practice is 3.9 times higher than the group with successful practice with unsatisfactory knowledge; The percentage of study subjects who are parents of children having practice of antibiotic drugs is likely to be 2.5 times higher than that of the child's grandparents.

Keywords: Antibiotics, children under 5 years old, related factors.

*Corresponding author

Email address: nguyenai198@gmail.com

Phone number: (+84) 984 391 406

<https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i4.121>

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ SỬ DỤNG THUỐC KHÁNG SINH CHO TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI CỦA NGƯỜI CHĂM SÓC TẠI HAI XÃ, HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2020

Nguyễn Thị Ái*, Nguyễn Hà My, Phan Thu Nga, Bùi Thị Huyền Diệu, Bùi Thị Bình

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Ngày nhận bài: 28 tháng 01 năm 2021

Chỉnh sửa ngày: 26 tháng 02 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 09 tháng 03 năm 2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định một số yếu tố liên quan về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ em dưới 5 tuổi của người chăm sóc tại hai xã, huyện Kiến Xương, Thái Bình năm 2020.

Đối tượng nghiên cứu: Người chăm sóc trẻ tại hai xã của huyện Kiến Xương, Thái Bình

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích.

Kết quả nghiên cứu: Có mối liên quan giữa trình độ học vấn, số lượng con, điều kiện kinh tế và tuổi với kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh: tỷ lệ đối tượng có tỷ lệ đối tượng trên THPT có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh có khả năng cao gấp 1,8 lần so với nhóm có trình độ học vấn từ THPT trở xuống, 95%CI (1,1-2,9). Về thực hành, có mối liên quan giữa kiến thức, tuổi của đối tượng nghiên cứu, là bố mẹ của trẻ với thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh. tỷ lệ đối tượng có kiến thức đạt có thực hành đạt có khả năng cao gấp 3,9 lần so với nhóm có thực hành đạt có kiến thức không đạt; tỷ lệ đối tượng nghiên cứu là bố, mẹ của trẻ có thực hành đạt về thuốc kháng sinh có khả năng cao gấp 2,5 lần so với đối tượng là ông/bà của trẻ.

Từ khóa: Thuốc kháng sinh, trẻ em dưới 5 tuổi, yếu tố liên quan.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự lan tràn các chủng vi khuẩn kháng kháng sinh là vấn đề cấp bách nhất hiện nay. Sự xuất hiện các chủng vi khuẩn kháng ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị và sức khỏe người bệnh. Việc hạn chế sự phát sinh của vi khuẩn kháng kháng sinh là nhiệm vụ không chỉ của

ngành Y tế mà của cả cộng đồng nhằm bảo vệ nhóm thuốc này [1].

Việc sử dụng kháng sinh không đúng cách sẽ làm vi sinh vật càng tăng thêm sức đề kháng. Có nhiều loại vi khuẩn mạnh có thể phát triển và lây lan, con người có thể tái nhiễm bệnh nhiều lần. Mỗi lần như vậy, vi sinh mầm bệnh tăng thêm sức đề kháng bệnh nhân

*Tác giả liên hệ

Email: nguyennai198@gmail.com

Điện thoại: (+84) 984 391 406

<https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i4.121>



sẽ phải dùng liều thuốc mạnh hơn. Nguyên nhân là mầm bệnh phát triển, khiến bệnh trở nên nặng và lâu khỏi hơn. Hơn thế nữa, thói quen tự chữa trị và “bất chước” đơn thuốc của người dân sẽ dẫn đến tình trạng sử dụng kháng sinh tùy tiện, góp phần làm gia tăng sự kháng thuốc.

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), mỗi năm trên thế giới ước tính có thêm 440.000 ca nhiễm mới bệnh lao đa kháng thuốc, với vi trùng lao siêu kháng thuốc đã được phát hiện ở 58 quốc gia [2]. Trưởng Đại diện WHO tại Việt Nam cũng cho biết tỉ lệ kháng thuốc kháng sinh ở Việt Nam cao trên 80% là do người dân lạm dụng thuốc, sử dụng không đúng cách, do bác sĩ kê đơn không cần thiết, cũng như vấn đề kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Để ngăn chặn tình trạng kháng thuốc kháng sinh, Bộ Y tế kêu gọi người dân chỉ sử dụng kháng sinh khi được bác sĩ kê đơn; không yêu cầu thuốc kháng sinh nếu nhân viên y tế nói không cần sử dụng; luôn luôn làm theo lời khuyên của nhân viên y tế khi sử dụng thuốc kháng sinh; không bao giờ chia sẻ cho người khác hoặc dùng các kháng sinh còn dư thừa [3].

Tình trạng người chăm sóc cho trẻ sử dụng lại đơn thuốc cũ hoặc xin đơn của bệnh nhân khác để sử dụng cho trẻ và bán thuốc tràn lan là một dấu hiệu đáng lo ngại cho tình trạng kháng kháng sinh ngày càng trở nên phổ biến hiện nay. Chính vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu sau: “*xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ em dưới 5 tuổi của người chăm sóc tại 2 xã, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình năm 2020*”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu:

+ **Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC):** Là người trực tiếp chăm sóc trẻ tại 2 xã huyện Kiến Xương, Thái Bình.

+ **Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 1/2020 đến tháng 7/2020.

+ **Địa điểm:** Thanh Nê và xã Vũ Tây của huyện Kiến Xương, Thái Bình

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích

2.3. Cỡ mẫu và chọn mẫu

- Cỡ mẫu

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Cỡ mẫu thực tế đã điều tra là 400 người chăm sóc trẻ chính.

- Chọn mẫu:

Chọn huyện nghiên cứu:

Chọn chủ đích huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Chọn xã nghiên cứu:

Tiến hành lựa chọn chủ đích thị trấn Thanh Nê. Đối với 36 xã còn lại thuộc huyện Kiến Xương, nghiên cứu tiến hành bốc thăm ngẫu nhiên lấy 01 xã đưa vào nghiên cứu. Kết quả, 2 xã/thị trấn được chọn vào nghiên cứu là thị trấn Thanh Nê và xã Vũ Tây.

Chọn đối tượng nghiên cứu:

Từ 2 xã/thị trấn được chọn, chúng tôi tiến hành lập danh sách toàn bộ số trẻ em dưới 5 tuổi tại xã, sau đó tiến hành chọn ngẫu nhiên số trẻ theo danh sách cho đến khi đủ cỡ mẫu. Với mỗi trẻ được chọn, nghiên cứu tiến hành lựa chọn người chăm sóc đủ tiêu chuẩn để đưa vào nghiên cứu.

2.4. Phương pháp thu thập thông tin:

Thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn thông qua bộ phiếu điều tra. Xây dựng bộ phiếu điều tra, hướng dẫn điều tra phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

2.5. Tiêu chuẩn đánh giá

Đánh giá kiến thức

Với tiêu chí với mỗi ý lựa chọn đúng sẽ tính là 01 điểm thì 13 câu hỏi lý thuyết có điểm tối đa là 22 điểm. Nghiên cứu sẽ lấy điểm cắt là 50%, đối tượng nào trả lời với tổng điểm đạt được từ 11 điểm trở lên (tương ứng với $\geq 50\%$ tổng điểm kiến thức) sẽ được tính là có kiến thức đạt và tổng điểm dưới 11 điểm là kiến thức không đạt

Đánh giá thực hành

Với mỗi ý lựa chọn đúng sẽ tính là 01 điểm thì 12 câu hỏi thực hành có điểm tối đa là 15 điểm. Nghiên cứu sẽ lấy điểm cắt là 50%, đối tượng nào trả lời với tổng điểm đạt được từ 08 điểm trở lên (tương ứng với $\geq 50\%$ tổng điểm thực hành) sẽ được tính là có thực hành đạt và tổng điểm dưới 08 điểm là thực hành không đạt.

2.6. Xử lý số liệu

Toàn bộ số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, phân tích kết quả bằng phần mềm SPSS20.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1: Mối liên quan giữa kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ với thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Thông tin chung	Kiến thức	Không đạt		Đạt		OR (95%CI)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Giới tính						
Nữ		104	30,8	234	69,2	0,8 (0,5-1,4)
Nam		22	35,5	40	64,5	
Nhóm tuổi						
≤ 40 tuổi		97	31,7	209	68,3	1,0 (0,6-1,7)
> 40 tuổi		29	30,9	65	69,1	
Trình độ học vấn						
Từ THPT trở xuống		96	35,2	177	64,8	1,8 (1,1-2,9)
Trên THPT		30	23,6	97	76,4	
Nghề nghiệp						
Khác		61	33,0	124	67,0	1,1 (0,7-1,7)
Công nhân viên chức		65	30,2	150	69,8	
Dễ dàng tiếp cận thuốc kháng sinh						
Không		26	41,9	36	58,1	1,7 (0,99-2,99)
Có		100	29,6	238	70,4	

Kết quả bảng 3.1 cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh với trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ đối tượng trên THPT có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh có khả

năng cao gấp 1,8 lần so với nhóm có trình độ học vấn từ THPT trở xuống, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với OR=1,8; 95%CI (1,1-2,9).



Bảng 3.2. Mối liên quan giữa kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ với đặc điểm gia đình của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Thông tin chung	Kiến thức	Không đạt		Đạt		OR (95%CI)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Số lượng con						
Từ 2 con trở lên		35	40,2	52	59,8	1,6 (1,0-2,7)
1 con		91	29,1	222	70,9	
Điều kiện kinh tế gia đình						
Trung bình, nghèo/cận nghèo, trung bình		91	35,0	169	65,0	1,6 (1,0-2,6)
Giàu, khá		35	25,0	105	75,0	
Gia đình có người làm nghề Y Dược						
Không		101	32,5	210	67,5	1,2 (0,7-2,1)
Có		25	28,1	64	71,9	

Về mối liên quan giữa kiến thức sử dụng kháng sinh với đặc điểm gia đình của đối tượng nghiên cứu, có mối liên quan giữa điều kiện kinh tế gia đình và số lượng con hiện có với kiến thức, tỷ lệ đối tượng có 1 con có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh cao gấp 1,6 lần so với nhóm có từ 2 con trở lên, $p < 0,05$ và 95% CI

(1,0-2,7). Tỷ lệ đối tượng có điều kiện kinh tế gia đình ở mức khá, giàu có kiến thức đạt về sử dụng kháng sinh cao gấp 1,6 lần những đối tượng có điều kiện kinh tế ở mức trung bình, nghèo/cận nghèo, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với 95% CI (1,0-2,6).

Bảng 3.3: Mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng kháng sinh cho trẻ với nơi ở của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Kiến thức	Vũ Tây		Thanh Nê		OR (95%CI)
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %	
Không đạt	64	32,0	136	68,0	1,05 (0,7-1,6)
Đạt	62	31,0	138	69,0	

Kết quả bảng 3.3 cho thấy, không có mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng kháng sinh với nơi ở của đối tượng nghiên cứu, 95% OR (0,7-1,6).

3.2. Một số yếu tố liên quan đến thực hành của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.4: Mối liên quan giữa thực hành sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ với thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Thông tin chung	Thực hành		Đạt		OR (95%CI)
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Nhóm tuổi					
Trên 40 tuổi	29	30,9	65	69,1	2,1 (1,2-3,5)
≤ 40 tuổi	54	17,6	252	82,4	
Trình độ văn hóa					
Từ THPT trở xuống	62	22,7	211	77,3	1,5 (0,9-2,6)
Trên THPT	21	16,5	106	83,5	

Kết quả bảng 3.4 cho thấy, có mối liên quan giữa nhóm tuổi với thực hành của đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ đối tượng ≤ 40 tuổi có thực hành đạt về sử dụng thuốc kháng sinh có khả năng cao gấp 2,1 lần so với nhóm trên 40 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê OR= 2,1 và 95% CI (1,2-3,5).

Bảng 3.5: Mối liên quan giữa thực hành sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ với đặc điểm gia đình của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Thông tin	Thực hành		Đạt		OR (95%CI)
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Quan hệ với trẻ					
Khác	12	37,5	20	62,5	2,5 (1,2-5,4)
Bố, mẹ	71	19,3	297	80,7	
Điều kiện kinh tế gia đình					
Trung bình, nghèo/cận nghèo	59	22,7	201	77,3	1,4 (0,8-2,4)
Giàu, khá	24	17,1	116	82,9	

Về mối liên quan giữa thực hành sử dụng thuốc kháng sinh với đặc điểm gia đình của đối tượng nghiên cứu, có mối liên quan giữa thực hành sử dụng kháng sinh với mối quan hệ của trẻ với đối tượng nghiên cứu. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu là bố, mẹ của trẻ có thực hành đạt về thuốc kháng sinh cao gấp 2,5 lần so với đối tượng là ông/bà của trẻ, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$, 95% CI (1,2-5,4).

Bảng 3.6: Mối liên quan giữa thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh của đối tượng với nơi ở của đối tượng nghiên cứu (n=400)

Xã	Thực hành		Đạt		OR (95%CI)
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %	
Thanh Nê	65	32,5	135	67,5	4,9 (2,8-8,6)
Vũ Tây	18	9,0	182	91,0	

Kết quả bảng 3.6 cho thấy, có mối liên quan giữa thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh với nơi ở của đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ đối tượng ở xã Vũ Tây có thực

hành đạt về thuốc kháng sinh có khả năng cao gấp 4,9 lần so với nhóm đối tượng ở xã Thanh Nê, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với 95%CI (2,8-8,6).

Bảng 3.7: Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của ĐTNCC về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ (n=400)

Kiến thức \ Thực hành	Không đạt		Đạt		OR (95%CI)
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Không đạt	47	37,3	79	62,7	3,9 (2,4-6,5)
Đạt	36	13,1	238	86,9	

Kết quả bảng 3.7 cho thấy, có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ, tỷ lệ đối tượng có kiến thức đạt có thực hành đạt chiếm 86,9% có khả năng cao gấp 3,9 lần so với nhóm có thực hành đạt có kiến thức không đạt (62,7%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với 95% CI (2,4-6,5).

4. BÀN LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng kháng sinh với trình độ học vấn, số lượng con, điều kiện kinh tế gia đình của đối tượng nghiên cứu. Tỷ lệ đối tượng trên THPT có kiến thức đạt về sử dụng thuốc kháng sinh có khả năng cao gấp 1,8 lần so với nhóm có trình độ học vấn từ THPT trở xuống, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với 95% CI (1,1-2,9). Kết quả nghiên cứu này tương tự với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hải Hà và cộng sự năm 2018 và tác giả Đoàn Văn Thoại [4], [5].

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Kuzujanakis M, Kleinman K, Rifas-Shiman S và cộng sự (2003) và Mangione-Smith R, Elliott MN, Stivers T và cộng sự năm 2006 được thực hiện tại Mỹ và nghiên cứu của tác giả Ecker L, Ochoa TJ, Vargas M và cộng sự (2013) nghiên cứu tại Nam Mỹ [6], [7], [8] cho thấy có mối liên quan giữa điều kiện kinh tế với kiến thức về sử dụng kháng sinh của người chăm sóc trẻ, những người có điều kiện kinh tế tốt hơn có kiến thức về sử dụng kháng sinh tốt hơn. Nhận định này tương tự với kết quả trong nghiên cứu này, tỷ lệ đối tượng có điều kiện kinh tế gia đình ở mức khá, giàu có kiến thức đạt về sử dụng kháng sinh cao gấp 1,6 lần những đối tượng có điều kiện kinh tế ở mức trung bình, nghèo/cận nghèo, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$, 95 CI

(1,0-2,6). Trong bối cảnh ngày nay, các thông tin tràn lan trên mạng Internet, trong đó thông tin về thuốc kháng sinh cũng rất phong phú, những người có điều kiện kinh tế tốt hơn thường có khả năng tiếp cận với mạng Internet tốt, nên kiến thức về thuốc kháng sinh cũng tăng lên.

Kiến thức là nền tảng hình thành nên hành vi sức khỏe nói chung và hành vi về sử dụng thuốc kháng sinh nói riêng. Nghiên cứu này cũng chỉ ra được mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh cho trẻ, tỷ lệ đối tượng có kiến thức đạt và có thực hành đạt cao gấp 3,9 lần so với nhóm có thực hành đạt có kiến thức không đạt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$, 95% CI (2,4-6,5). Nhận định này tương tự với nhận định trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Trang năm 2013 về thực trạng sử dụng thuốc kháng sinh của 280 bà mẹ có con dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan tại xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và nghiên cứu của tác giả Đoàn Văn Thoại năm 2007, tỷ lệ đối tượng có kiến thức đạt có thực hành đạt cao gấp 10,17 lần so với nhóm có kiến thức không đạt [4], [9].

5. KẾT LUẬN

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn, số lượng con, điều kiện kinh tế và tuổi với kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh. Về thực hành, có mối liên quan giữa kiến thức, tuổi của đối tượng nghiên cứu, là bố mẹ của trẻ với thực hành về sử dụng thuốc kháng sinh. Nghiên cứu chưa tìm ra được mối liên quan giữa điều kiện kinh tế, trình độ văn hóa với kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu.

KHUYẾN NGHỊ

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho người dân những kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh đúng cách, đặc biệt là sự kháng thuốc của vi khuẩn đang là mối hiểm họa của toàn cầu.
- Cần phải có các biện pháp quản lý các cơ sở kinh doanh thuốc tốt hơn, giám sát chặt chẽ việc sử dụng thuốc kháng sinh theo đơn để tránh tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ministry of Health, Instructions for the use of antibiotics, Medical Publishing House, 2015. (in Vietnamese)
- [2] World Health Organization, WHO warns: Antibiotics may lose their ability to cure diseases, <http://www.wpro.who.int/vietnam/mediacentre/releases/2011/whd2011/en/>. Accessed on 17th Jan 2021.
- [3] Ministry of Health, https://www.moh.gov.vn/diem-tin-y-te/-/asset_publisher/sqTagDpp4aRX/content/-iem-news-now-11-14-2018?inheritRedirect=false. Accessed on 14th Nov 2018.
- [4] Thoai DV, Assessment of knowledge and practice of antibiotic use of people in Nho Quan district, Ninh Binh province, Thai Binh University of Medicine and Pharmacy Publisher, 2017. (in Vietnamese)
- [5] Ha NTH, Hue TTT, Bach DX, Knowledge, practice and some related factors on antibiotic use by people in Phu Dien ward, Bac Tu Liem district, Hanoi, TNU Journal of Science and Technology, 2018; 194(1): 35-40. (in Vietnamese)
- [6] Kuzujanakis M, Kleinman K, Rifas SS et al., Correlates of parental antibiotic knowledge, demand, and reported use", *Ambul Pediatr.*, 2003; 3: 203-10.
- [7] Ecker L, Ochoa TJ, Vargas M et al, Factors affecting caregivers' use of antibiotics available without a prescription in Peru, *Pediatrics*, 2013; 131: e1771.
- [8] Mangione SR, Elliott MN, Stivers T et al., Ruling out the need for antibiotics: are we sending the right message, *Arch Pediatr Adolesc Med.*, 2006; 160: 945-52.
- [9] Trang NTQ, Current situation of antibiotic use by mothers with children under 5 years old and some related factors in Dong Ket commune, Khoai Chau district, Hung Yen province in 2013, Master Thesis Public Health, University of Public Health, 2013. (in Vietnamese)

